

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Ông Đặng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Quang Tiến D, sinh năm 1993.
Trú tại: tổ dân phố A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Thông Ngọc Lệ Q, sinh năm 1991.
Trú tại: tổ dân phố X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Bùi Quang Tiến D trình bày :

Anh Bùi Quang Tiến D và chị Thông Ngọc Lệ Q kết hôn với nhau ngày 12/9/2016, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, anh và chị Q chưa tổ chức đám cưới thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do đó anh và chị Q không tổ chức đám cưới và không về chung sống với nhau. Nhận thấy giữa anh và chị Q không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thông Ngọc Lệ Q.

Về con chung: Anh D và chị Q không có con chung.

Về tài sản chung: Anh D và chị Q không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D và chị Q không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Thông Ngọc Lệ Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc nên không lấy lời khai của chị Q được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Quang Tiến D, cho anh D được ly hôn với chị Q.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Anh D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Bùi Quang Tiến D có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Thông Ngọc Lệ Q. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”. Bị đơn chị Thông Ngọc Lệ Q cư trú tại: tổ dân phố X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều

28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Thông Ngọc Lệ Q, nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Chị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Quang Tiến D và chị Thông Ngọc Lệ Q đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/9/2016, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ khi đăng ký kết hôn đến nay anh chị không về chung sống với nhau.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Sau khi đăng ký kết hôn anh D và chị Q chưa tổ chức đám cưới thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do đó anh chị không tổ chức đám cưới và không về chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa anh D và chị Q đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, giải quyết cho anh D được ly hôn chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Anh D và chị Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh D và chị Q không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Bùi Quang Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Quang Tiến D.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Bùi Quang Tiến D và chị Thông Ngọc Lệ Q.

2. *Về án phí:* Anh Bùi Quang Tiến D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 9450 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND TT Buôn Trấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Ngọc